

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ RỐI LOẠN PHÁT TRIỂN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Huyền

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Tóm tắt: Rèn luyện và phát triển năng lực tổ chức hoạt động nói chung và hoạt động vui chơi nói riêng cho trẻ rối loạn phát triển là một trong những yêu cầu quan trọng của đào tạo sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt. Tuy nhiên, việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp sao cho phù hợp, phát huy sự hứng thú, tính chủ động và tự rèn luyện của mỗi sinh viên là yếu tố quan trọng. Bài báo tập trung vào đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ rối loạn phát triển cho sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt.

Từ khóa: Hoạt động vui chơi; phát triển năng lực; rối loạn phát triển; Giáo dục đặc biệt.

STRATEGIES FOR DEVELOPING CAPACITY IN ORGANIZING PLAY ACTIVITIES FOR CHILDREN WITH DEVELOPMENTAL DISORDERS FOR UNIVERSITY STUDENTS SPECIAL EDUCATION DEPARTMENT, HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Nguyen Thi Huyen

Faculty of Education, Hanoi Metropolitan University

Abstract: Training and developing the capacity to organize activities in general, and play activities in particular, for children with developmental disorders is one of the crucial requirements in training university students majoring in Special Education. However, the selection and use of appropriate methods to enhance each student's interest, autonomy, and self-improvement are essential factors. This article focuses on proposing several strategies to develop the capacity to organize play activities for children with developmental disorders for university students majoring in Special Education.

Keywords: Play activities; capacity development; developmental disorders; Special Education.

Nhận bài: 29/12/2024

Phản biện: 09/02/2025

Duyệt đăng: 13/02/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vui chơi là hoạt động chủ đạo, có vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành, phát triển toàn diện nhân cách trẻ mẫu giáo nói chung và trẻ có rối loạn phát triển (RLPT) nói riêng. Để tổ chức hoạt động vui chơi (HĐVC) cho trẻ có hiệu quả đòi hỏi giáo viên giáo dục đặc biệt (GDĐB) phải có năng lực (NL) tổ chức hoạt động này cho trẻ. Đây cũng là NL sư phạm quan trọng cần phát triển cho sinh viên (SV) đại học ngành GDĐB trong quá trình đào tạo. Thực tiễn cho thấy việc phát triển NL tổ chức hoạt động vui chơi (HĐVC) của trẻ RLPT cho sinh viên đại học ngành GDĐB ở các trường đại học vẫn còn những bất cập nhất định, NL tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của một bộ phận SV còn hạn chế. Vì vậy, trong quá trình đào tạo ngành GDĐB ở trường đại học cần chú trọng phát triển năng lực tổ chức HĐVC cho sinh viên. Có được NL này sẽ giúp sinh viên sẽ tổ chức có hiệu quả HĐVC cho trẻ học hòa nhập ở trường MN hoặc các trung tâm chuyên biệt khi ra trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDĐB của trường ĐH. Xuất phát từ nhiệm vụ này, bài báo tập trung khai thác ý nghĩa và một số biện pháp phát triển năng lực tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT cho sinh viên đại học ngành GDĐB, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Đề tiến hành nghiên cứu và đề xuất các biện pháp, tác giả đã sử dụng các phương pháp tiếp cận như: Tiếp cận lịch sử - logic, tiếp cận hoạt động, tiếp cận hệ thống, tiếp cận thực tiễn, tiếp cận năng lực và tiếp cận chuẩn đầu ra. Với các nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp nghiên cứu thực tiễn: điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp quan sát, thực nghiệm sư phạm và phương pháp thống kê toán học. Quá trình nghiên cứu được tiến hành khảo sát 100 sinh viên năm thứ ba, năm thứ tư của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội và thực nghiệm trên 19 SV năm thứ tư trường Đại học Thủ Đô Hà Nội.

2.2. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ rối loạn phát triển của sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt

Thực tế giảng dạy cho 74 SV năm thứ ba và năm thứ tư ngành GDĐB tại trường Đại học Thủ Đô Hà Nội cho thấy, việc tổ chức HĐVC trong những giờ thực hành môn học và tổ chức cho RLPT trong những đợt đi TTSP ở các trường MN hòa nhập hoặc trung tâm chuyên biệt cho thấy những ưu điểm và những tồn tại sau:

Kết quả nghiên cứu thực trạng nhận thức về tổ chức HĐVC cho thấy: Đa số sinh viên, giảng viên, giáo viên tại các cơ sở thực hành thực tập đã có nhận thức đầy đủ về năng lực tổ chức HĐVC (khái niệm, đặc điểm của tổ chức HĐVC; tầm quan trọng của phát triển năng lực (PTNL) tổ chức HĐVC, vai trò của năng lực tổ chức HĐVC đối với hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên giáo dục đặc biệt); PTNL tổ chức HĐVC cho sinh viên đại học ngành GDĐB (sự cần thiết, mục đích của việc PTNL tổ chức HĐVC cho sinh viên đại học ngành GDĐB). Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận giảng viên, giáo viên GDĐB chưa có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về ý nghĩa của những vấn đề này. Thực trạng này đặt ra vấn đề cấp thiết cần được lãnh đạo các trường đại học quan tâm giải quyết.

Kết quả khảo sát thực trạng cũng cho thấy: SV ngành GDĐB còn gặp những khó khăn trong việc lựa chọn, sử dụng các tài liệu khi lập kế hoạch tổ chức HĐVC mà còn dùng kế hoạch mẫu; không thường xuyên sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học PTNL. Bên cạnh đó là những hạn chế của SV ngành GDĐB về việc thực hiện các nội dung, hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Nhìn chung, năng lực tổ chức HĐVC của SV đại học ngành GDĐB hiện tại mới chỉ đạt được ở mức “Trung bình” và chưa thực sự hiệu quả. Điều này đòi hỏi lãnh đạo các trường ĐH, khoa chuyên môn và đội ngũ GV cần tiếp tục hoàn thiện quá trình PTNL cho SV.

Về NL tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của SV đại học ngành GDĐB: Kết quả khảo sát ở hai trường đại học cho thấy, đa số giảng viên, GV mầm non hay giáo viên ở các trung tâm chuyên biệt và SV đã nắm được bản chất khái niệm NL tổ chức HĐVC, thấy được tầm quan trọng của NL tổ chức HĐVC và các NL thành phần. SV đã có được một số NL tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT, tuy nhiên đang ở mức trung bình. Mặc dù nhận thức về NL tổ chức HĐVC cho trẻ tương đối đầy đủ nhưng NL tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của SV vẫn chưa cao. Điều này có thể xuất phát từ nhiều khâu, cả kế hoạch của nhà trường và các chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình hướng dẫn và rèn luyện.

Các hoạt động PTNL tổ chức HĐVC cho SV đại học ngành GDĐB được khảo sát tuy đã được cải tiến và đạt được những kết quả tích cực, song vẫn còn những hạn chế về nhận thức, hạn chế về nội dung, phương pháp và hình thức cũng như con đường PTNL tổ chức HĐVC, hạn chế về việc đánh giá kết quả PTNL tổ chức HĐVC cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

2.3.1. Xây dựng quy trình phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt

Cách thức thực hiện biện pháp

Bước 1: Khảo sát nhu cầu cần phát triển và hướng dẫn SV liệt kê những NL tổ chức HĐVC cho trẻ MG cần hình thành một cách có kế hoạch, giúp họ nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển các NL đối với nghề nghiệp trong tương lai.

Bước 2: SV xây dựng kế hoạch và phân chia thời gian cho từng nội dung cần phát triển sao cho khoa học, hợp lý để đạt được mục tiêu.

Bước 3: Thiết kế chương trình rèn luyện phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của SVĐH ngành GDMN và phù hợp với quy trình phát triển.

Bước 4: Hướng dẫn thực hiện các nội dung; có sự hướng dẫn, kiểm tra của giảng viên, sự hướng dẫn của GV các trường MN nơi các em đi thực hành, thực tập để thực hiện theo đúng quy trình rèn luyện đã đề ra.

Bước 5: Kiểm tra việc thực hiện quy trình

2.3.2. Thiết kế kế hoạch bài dạy học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ” theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt

Cách thức tiến hành

Qua quá trình nghiên cứu tài liệu trong nước và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy có nhiều mô hình về thiết kế chương trình theo tiếp cận năng lực. Tuy nhiên, tựu chung lại, để thiết kế chương trình dạy học HP Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non cho sinh viên đại học ngành Giáo dục MN theo tiếp cận năng lực, cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích bối cảnh: nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, nhu cầu người sử dụng lao động với người tốt nghiệp; nhu cầu nhà trường, SV và nội dung môn học mà chương trình đào tạo dự kiến đáp ứng được.

Bước 2: Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Mục tiêu cần:

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình học phần, thiết kế chương trình dạy học học phần đảm bảo mục tiêu đào tạo và đáp ứng chuẩn NL đầu ra.

Bước 4: Đối chiếu, so sánh chương trình học phần liên quan đến mục tiêu PTNL tổ chức HĐVC cho SVĐH ngành GDMN ở các trường đào tạo

ngành GDMN đã xác định để hoàn thiện chương trình môn học.

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết HP theo chương trình đào tạo đã xác định

Bước 6: Tổ chức trao đổi lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, về chương trình đào tạo (sự phù hợp và khả thi của chương trình theo định hướng tiếp cận NL thực hiện).

Bước 7: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ.

2.3.3. Đổi mới cách thức tổ chức thực hành, thực tập sư phạm của sinh viên đại học ngành Giáo dục đặc biệt tại các trường mầm non hòa nhập và trung tâm chuyên biệt

Cách thực hiện biện pháp

* Đổi mới hình thức tổ chức thực hành môn học và kiến tập, TTSP

- Xây dựng tài liệu chất lượng và tổ chức nhóm học tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, GV tại cơ sở để phân tích, xác định quy trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ RLPT và phát triển năng lực của sinh viên.

- Lập danh sách nhóm sinh viên xuống các cơ sở thực hành có hoạt động dạy tốt - học tốt, tạo sự ổn định và cộng tác giữa sinh viên, cơ sở thực hành và giáo viên hướng dẫn.

- Xác định thời gian và điều kiện thực tập tại các cơ sở thực hành, giúp sinh viên tự chủ và có môi trường thực hành tốt nhất.

- Tổ chức thực tập theo nhóm tại cùng một vài cơ sở thực hành và sắp xếp giáo viên hướng dẫn cố định, tạo thành đội ngũ hỗ trợ đào tạo giáo viên hiệu quả.

* Tổ chức học và thực hành nghề cho SV ở trường và các cơ sở thực hành qua nghiên cứu bài học

Nghiên cứu bài học là quá trình xây dựng cộng đồng học tập tương tác trong trường học, với việc học thông qua trải nghiệm và thực hành dựa trên minh chứng từ các bài học. Việc cùng nhau bình luận và tìm kiếm cách tối ưu trong tổ chức bài học cản trở thành hoạt động sinh hoạt chuyên môn thường xuyên của các trường học. Qua hoạt động trải nghiệm này sinh viên sẽ tiếp thu những kỹ năng, tri thức và thái độ nghề nghiệp, giúp xóa bỏ "biên giới" giữa lý thuyết và thực hành.

* Đổi mới đánh giá thực tập sư phạm

Kinh nghiệm cho thấy, việc đánh giá TTSP cần có sự tham gia của GV bộ môn và nghiệp vụ, giáo viên hướng dẫn thực tập và đại diện ban giám hiệu trường MN. Ngoài ra, xu hướng hiện nay là sử dụng tiếp cận năng lực trong đánh giá kết quả cuối

cùng - sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo. Cần xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, minh bạch, có thể đo đạc được nhằm giúp đánh giá khách quan, công bằng và thống nhất giữa các trường, giữa các giáo viên hướng dẫn và giảng viên giảng dạy lý thuyết. Các tiêu chí phải được đánh giá qua minh chứng là hồ sơ học tập của SV, nhật ký thực tập, kế hoạch HĐGD và qua dự giờ. Ý kiến đánh giá từ nhiều nguồn khác nhau như giáo viên hướng dẫn, các sinh viên cùng nhóm, kết quả trên trẻ ở lớp thực tập và ý kiến tự đánh giá của SV...

* Bồi dưỡng GV thực hành tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập cho SV

Đội ngũ GV thực hành tham gia hướng dẫn SV được chuẩn bị tốt là cơ sở đảm bảo sự thành công của hoạt động thực hành, TTSP. Do đó, họ phải là người yêu nghề, tận tâm và có trách nhiệm cao với nghề; kiến thức chuyên môn vững; phương pháp sư phạm tốt; có kinh nghiệm quản lý nhóm lớp và tổ chức các hoạt động chăm sóc GD trẻ RLPT nói chung và HĐVC cho trẻ RLPT nói riêng tốt (theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên); họ phải có kỹ năng hỗ trợ việc học của sinh viên với tư cách là những người lớn, người trưởng thành.

Trên cơ sở đội ngũ giáo viên được lựa chọn, các cơ sở đào tạo giáo viên cần tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu để họ thực sự là những đối tác, cộng tác viên của cơ sở đào tạo tại trường MN hòa nhập và các trung tâm chuyên biệt.

* Xây dựng hệ thống các trường MN hòa nhập và trường chuyên biệt liên kết PTNL nghề cho sinh viên

Phát triển năng lực người giáo viên GDĐB đòi hỏi sự kết nối chặt chẽ giữa trường đại học và các cơ sở thực hành. Các trường mầm non hòa nhập và các trung tâm chuyên biệt trở thành phần không thể thiếu của quá trình đào tạo giáo viên GDĐB, tạo nên một mạng lưới cộng đồng ràng buộc trách nhiệm giáo dục. GV ở các cơ sở liên kết tham gia như trợ giảng, cần có phẩm chất và năng lực giảng dạy, cùng với giáo viên nghiệp vụ, họ hướng dẫn sinh viên và cùng nhau phát triển năng lực, chương trình học, tạo cầu nối giữa lý thuyết và thực hành, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên GDĐB.

2.3.4. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của sinh viên và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá

** Cách thực hiện biện pháp:*

Quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá NL tổ chức HĐVC của sinh viên đại học ngành GDMN được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định các năng lực cụ thể cần đánh giá

Hệ thống NL tổ chức HĐVC cần phát triển cho SV đại học ngành GDDB gồm 04 năng lực thành phần đã xác định

Bước 2: Phân tích, xác định tiêu chí, chỉ báo của mỗi năng lực

Sau khi xác định NL cần đánh giá ở SV trong tổ chức HĐVC theo tiếp cận namwg lực, GV cần phân tích từng NL để xác định các tiêu chí, chỉ báo, biểu hiện cụ thể của từng năng lực thành phần.

Bước 3: Xây dựng các tiêu chí đánh giá

Khi xây dựng các tiêu chí đánh giá NL tổ chức HĐVC, trước hết cần xác định số lượng các tiêu chí cần thiết và thích hợp nhất cần đánh giá cho mỗi NL. Mỗi NL có thể có nhiều yếu tố, đặc điểm để chọn làm tiêu chí. Tuy nhiên, số lượng các tiêu chí dùng để đánh giá cho một NL không nên quá nhiều mà phải là các tiêu chí cần thiết nhất để đánh giá một NL. Các tiêu chí đánh giá cần được xác định sao cho đủ khái quát để tập trung vào những đặc điểm nổi bật của các NL và cần được diễn đạt sao cho có thể quan sát được hành động của SV trong quá trình thể hiện NL.

Qua thực tiễn cho thấy, khoảng 2 đến 6 tiêu chí đánh giá cho một NL là hợp lý để sử dụng.

Bước 4: Thiết lập các mức độ thể hiện các tiêu chí đã xây dựng

Sau khi xác định được các tiêu chí cần đánh giá của NL, bước tiếp theo là phải thiết kế các mức độ thể hiện các tiêu chí đó để làm căn cứ đưa ra quyết định về mức độ NL đạt được của SV.

Các mức độ này sẽ là căn cứ để GV sử dụng đánh giá việc thực hiện các hoạt động tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của SV và cũng là căn cứ để xác định mức độ NL đạt được của họ. Ngoài ra,

SV cũng sử dụng các mức độ và các tiêu chí này để tự đánh giá NL tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của bản thân. Các tiêu chuẩn và điều kiện đánh giá đều được mô tả cụ thể và thông báo cho SV trước mỗi bài học.

III. KẾT LUẬN

Bài báo đã xây dựng 4 biện pháp nhằm phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi (HĐVC) cho trẻ RLPT của sinh viên đại học ngành GDDB. Các biện pháp này không chỉ độc lập mà còn có mối liên kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau. Chúng được xây dựng theo quy trình khoa học và khả thi, yêu cầu sự phối hợp giữa giảng viên và các lực lượng khác để đạt được kết quả. Mỗi biện pháp mang ý nghĩa riêng trong quá trình phát triển năng lực tổ chức HĐVC cho trẻ RLPT của sinh viên GDDB. Ví dụ, biện pháp 1 tập trung vào việc xây dựng quy trình phát triển năng lực HĐVC dựa trên quan sát và đánh giá, giúp sinh viên luyện tập một cách hiệu quả hơn. Biện pháp 2 đề xuất thiết kế kế hoạch bài dạy học phần "Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ" theo hướng phát triển năng lực, giúp giảng viên có kế hoạch dạy học toàn diện. Các biện pháp còn bao gồm hệ thống bài tập thực hành và xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá. Mối liên kết giữa chúng được xây dựng trên cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu giáo dục đặc biệt. Mặc dù mỗi biện pháp có ưu và nhược điểm riêng, việc sử dụng chúng phù hợp với từng bài học và điều kiện giảng dạy cụ thể là nghệ thuật sư phạm của giảng viên. Thông qua việc tổ chức HĐVC của trẻ, những năng lực nghề của SV cũng được rèn luyện và phát triển, giúp SV tự tin và đạt được kết quả tốt trong những đợt thực tập sư phạm tại các trường MN hòa nhập và các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Hòa (2019), *Giáo dục học MN*, NXB ĐHSP.
- Nguyễn Thị Huyền (2024), *Phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo cho sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Đặng Thành Hưng (2012), *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, (Số 43).
- Đình Văn Vang (2016), *Tổ chức HĐVC cho trẻ MN*, NXBGD Việt Nam.
- Nguyễn Thị Lan Phương (chủ biên) (2016), *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Ashiabi G.S. (2007), "Play in the preschool classroom: Its socioemotional significance and the teacher's role in play", *Early Childhood Education Journal*, 35 (2), tr. 199-207.